**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong tháng 11 năm 2021**

(kèm theo Công văn số:    /SPS-BNNVN, ngày tháng 12 năm 2021)

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia thông báo** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/TZA/155 | QLCL | Tanzania | 01/11/2021 | DEAS 830: 2021– Thông số kỹ thuật, cá tẩm bột đông lạnh (fish fingers), các bộ phận của cá và cá philê – Có rắc bột mì vụn hoặc tẩm bột; phiên bản biên soạn đầu tiên | Dự thảo quy định cụ thể các tiêu chuẩn, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với cá tẩm bột đông lạnh (fish fingers), các bộ phận của cá và cá philê - có rắc bột mì vụn hoặc tẩm bột với mục đích dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 2 | G/SPS/N/TZA/154 | QLCL | Tanzania | 01/11/2021 | DEAS 827: 2021– Thông số kỹ thuật, cá còn nguyên vây tươi và đông lạnh; phiên bản biên soạn lần thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn này quy định cụ thể các yêu cầu, các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với cá còn nguyên vây dạng tươi và dạng đông lạnh dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 3 | G/SPS/N/TZA/153 | QLCL | Tanzania | 01/11/2021 | DEAS 834: 2021- Quy phạm thực hành chế biến và xử lý cá muối và các sản phẩm từ cá; phiên bản biên soạn lần thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn này mô tả các hướng dẫn để chế biến và xử lý cá muối và các sản phẩm từ cá muối, với mục đích dùng làm thức ăn cho con người. |
| 4 | G/SPS/N/TZA/152 | QLCL | Tanzania | 01/11/2021 | DEAS 833: 2021- Quy phạm thực hành chế biến và xử lý cá khô và các sản phẩm từ cá; phiên bản biên soạn lần thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn này mô tả các hướng dẫn để chế biến và xử lý cá khô và các sản phẩm từ cá khô, với mục đích dùng làm thức ăn cho con người. |
| 5 | G/SPS/N/NZL/670 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Chanh Tahitian Lime tươi (*Citrus latifolia*) dùng làm thực phẩm cho con người | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  - Chanh Tahitian Lime, *Citrus latifolia*, New Caledonia;  - Chanh Tahitian Lime, *Citrus latifolia,* Samoa;  - Chanh Tahitian Lime, *Citrus latifolia*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của chanh Tahitian lime (*Citrus latifolia*) từ Brazil, Quần đảo Cook, Fiji, **Việt Nam** và Peru. |
| 6 | G/SPS/N/NZL/669 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Cam tươi (*Citrus sinensis*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu tiêu chuẩn sức khỏe nêu trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất quản lý rủi ro, phân tích rủi ro nhập khẩu và danh sách dịch hại sẽ được gửi cho các bên liên quan cùng với dự thảo tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế các lịch trình sau đây và các tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu hiện tại cũng đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  - Cam, *Citrus sinensis*, Úc;  - Cam, *Citrus sinensis*, Ai Cập;  - Cam, *Citrus sinensis*, Mexico;  - Cam, *Citrus sinensis*, Tây Ban Nha;  - Cam, *Citrus sinensis*, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (Bang California);  - Cam, *Citrus sinensis*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mới cũng đang tham khảo ý kiến về yêu cầu tiếp cận thị trường mới đối với cam tươi (Citrus sinensis) từ Brazil, Trung Quốc, Peru và Samoa. |
| 7 | G/SPS/N/NZL/668 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Quýt tươi Mandarin, Tangelo và Tangor (*Citrus reticulata, Citrus reticulata,* *Citrus paradisi và Citrus reticulata,* *Citrus sinensis*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu nêu ở trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  − Quýt Mandarin/tangerine*, Citrus reticulata*, Úc;  − Quýt Mandarin/tangerine*, Citrus reticulata*, *Citrus paradisi,* *Citrus reticulata*, Ai Cập;  − Quýt Mandarin, *Citrus reticulata*, Nhật;  − Quýt *Mandarin/tangerine, Citrus reticulata*, Hoa Kỳ;  − Quýt Tangelo, *Citrus paradisi, Citrus reticulata*, Hoa Kỳ;  − Quýt Mandarin/*tangerine, Citrus reticulata*, Vanuatu;  − Quýt Tangelo, *Citrus paradisi, Citrus reticulata*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của quýt tươi mandarin, tangelo và tangor (*Citrus reticulata, Citrus reticulata,* *Citrus paradisi* và *Citrus reticulata, Citrus sinensis*) từ Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Nhật Bản, Hàn Quốc, Peru và Samoa. |
| 8 | G/SPS/N/NZL/667 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Chanh Lemon tươi (*Citrus limon*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu nêu ở trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  − Chanh Lemon, *Citrus limon*, Úc;  − Chanh Lemon, *Citrus limon*, Ai Cập;  − Chanh Lemon, *Citrus limon*, Hoa Kỳ;  − Chanh Lemon, *Citrus limon*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của chanh Lemon tươi (Citrus limon) từ Brazil, Trung Quốc, Ai Cập và **Việt Nam**. |
| 9 | G/SPS/N/NZL/666 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Chanh Lime Mexico tươi (*Citrus aurantiifolia*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu nêu ở trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  − Chanh Lime, *Citrus aurantiifolia*, Úc;  − Chanh Lime, *Citrus aurantiifolia*, Ai Cập;  − Chanh Lime, *Citrus aurantiifolia*, Hoa Kỳ;  − Chanh Lime, *Citrus aurantiifolia* (other than Tahitian), Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của chanh Mexico lime tươi (Citrus aurantiifolia) từ Ai Cập, New Caledonia, Peru, **Việt Nam**, và quần đảo Solomon. |
| 10 | G/SPS/N/NZL/665 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Bưởi Pomelo tươi (*Citrus maxima*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với Citrus spp. tươi nhập khẩu nêu ở trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  − Bưởi Pomelo, *Citrus maxima*, Ai Cập;  − Bưởi Pomelo, *Citrus maxima*, Hoa Kỳ;  − Bưởi Pomelo (Reinking variety), *Citrus grandis*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của bưởi tươi (Citrus maxima) từ Trung Quốc, Ai Cập và **Việt Nam**. |
| 11 | G/SPS/N/NZL/664 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2021 | Bưởi grapefruit (*Citrus paradisi*) dùng làm thực phẩm cho con người. | Niu Di-lân tiến hành tham vấn với WTO và cộng đồng từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 19 tháng 12 năm 2021 về các tiêu chuẩn sức khỏe đối với *Citrus* spp. tươi nhập khẩu nêu ở trên. Các tài liệu hỗ trợ như đề xuất về quản lý rủi ro, phân tích các rủi ro nhập khẩu và danh sách các sâu hại sẽ được gửi cho các bên liên quan, cùng với dự thảo các tiêu chuẩn sức khỏe đối với việc nhập khẩu.  Các tiêu chuẩn hàng hóa mới sẽ thay thế cho các mục liệt kê dưới đây và những tiêu chuẩn hiện có trong tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhập khẩu hiện hành, và đã được xem xét, 152.02. Nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào New Zealand:  − Bưởi Grapefruit, *Citrus paradisi*, Úc;  − Bưởi Grapefruit, *Citrus paradisi*, Ai Cập;  − Bưởi Grapefruit, *Citrus paradisi, Citrus paradisi,* *C. maxima*, Hoa Kỳ;  − Bưởi Grapefruit, *Citrus paradisi*, Vanuatu.  Tiêu chuẩn về sức khỏe đối với nhập khẩu cũng đang được tham vấn để tiếp cận tới thị trường mới của bưởi grapefruit tươi (*Citrus paradisi*) từ Trung Quốc, Ai Cập Peru và Samoa. |
| 12 | G/SPS/N/AUS/529 | Thú y, ATTP, BVTV | Úc | 01/11/2021 | Đề xuất sửa lại Biểu 20 của Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc – Niu Di-lân (được điều chỉnh ngày 19 tháng 10 năm 2021). | Dự thảo sửa đổi Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di-lân về việc điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho nhiều loại hóa chất dùng cho nông nghiệp và thú y khác nhau, nhằm để phù hợp với các quy định quốc gia khác và để sử dụng một cách an toàn và hiệu quả những hóa chất của nông nghiệp và thú y:  - Abamectin, bifenazate, bixlozone, chlorantraniliprole, dicamba, pendimethalin, procymidone và prothioconazole trong các loại mặt hàng thực vật cụ thể; và  - Cyantraniliprole và moxidectin trong các loại mặt hàng động vật cụ thể. |
| 13 | G/SPS/N/AUS/433/ Add.9 | BVTV, Thú y, QLCL | Úc | 01/11/2021 | Xây dựng Quy tắc xuất khẩu nông sản – Tham vấn về dự thảo sửa đổi Quy tắc kiểm soát xuất khẩu năm 2021 | Vào ngày 28 tháng 3 năm 2021, Chính phủ Úc đã ban hành một khuôn khổ pháp lý mới cho xuất khẩu nông sản của Úc, bao gồm:  - Đạo luật Kiểm soát Xuất khẩu năm 2020 (Đạo luật), Đạo luật này đặt ra khuôn khổ pháp lý bao trùm đối với các quy định về xuất khẩu hàng hóa, bao gồm thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp của Úc;  - Các Quy tắc Kiểm soát Xuất khẩu năm 2021 (Các Quy tắc), đó là công cụ lập pháp đặt ra các yêu cầu phải đáp ứng để xuất khẩu đối với các loại hàng hóa cụ thể của Úc (ví dụ như: thịt).  Các Quy tắc phải được phù hợp với Đạo luật.  Chính phủ Úc đang lấy ý kiến ​​về các sửa đổi được đề xuất đối với những điều sau đây:  - Quy tắc kiểm soát xuất khẩu (Động vật) 2021, Kiểm soát xuất khẩu (Quy tắc dành cho thịt và các sản phẩm từ thịt) 2021, Kiểm soát xuất khẩu (Quy tắc với hàng hóa hữu cơ);  - Quy tắc Kiểm soát Xuất khẩu (Thực vật và sản phẩm thực vật) 2021, Quy tắc Kiểm soát Xuất khẩu (Thịt gia cầm và sản phẩm Thịt gia cầm);  - Quy tắc Kiểm soát xuất khẩu 2021 (Thịt thỏ và thịt đà điểu và các sản phẩm từ thịt thỏ và thịt đà điểu) năm 2021;  - Quy tắc kiểm soát xuất khẩu (Thịt thú rừng và các sản phẩm từ thịt thú rừng) năm 2021.  Không có thay đổi nào được đề xuất đối với những Quy tắc hàng hóa dành cho trứng, cá, sữa, hàng hóa đa dạng và gỗ.  Các sửa đổi được đề xuất sẽ đảm bảo rằng việc xây dựng các quy định về xuất khẩu nông sản của Úc duy trì được tính hiện đại và phù hợp với các mục đích, bằng cách giải quyết các vấn đề đã được xác định bởi Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường hoặc những bên liên quan.  Chi tiết về các đề xuất sửa đổi có sẵn trên trang web của bộ, tại phần - Quy tắc Kiểm soát Xuất khẩu 2021 - Các đề xuất sửa đổi. Trang web có chứa các nội dung:  - Một bản dự thảo bổ sung của Quy tắc sửa đổi pháp chế kiểm soát xuất khẩu năm 2021 (Những biện pháp số 1 năm 2021);  - Bản phác thảo các đề xuất sửa đổi Quy tắc dành cho động vật, thịt, hàng hóa hữu cơ, thực vật, gia cầm, thỏ và đà điểu và thú rừng;  - Link liên kết đến Đạo luật và các phiên bản hiện tại của bộ Quy tắc, dưới hình thức online, cho phép bình luận về các các đề xuất sửa đổi được đề cập. Ngày hết hạn đóng góp ý kiến ​​là ngày 30 tháng 11 năm 2021. Vui lòng xem lại thông tin này và chuyển bất kỳ câu hỏi nào có liên quan đến các luật mới này đến cơ quan quản lý, thông qua Văn phòng Thông báo SPS của Úc. |
| 14 | G/SPS/N/AUS/376/ Add.4 | BVTV | Úc | 01/11/2021 | Các biện pháp khẩn cấp đối với vườn ươm và nuôi cấy mô chống lại vi khuẩn *Xylella fasrantyosa* và các loài liên quan đến vi khuẩn *Xylella* | Vào ngày 9 tháng 11 năm 2015, Úc thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu vườn ươm, cây cấy mô, cành giâm, cây chồi, cây có rễ, thân cây và củ chống lại vi khuẩn *Xylella fasrantyosa* và các loài vi khuẩn liên quan đến *Xylella*.  Bổ sung cho các thông báo G/SPS/N/AUS/376, G/SPS/N/AUS/376/Add.1, G/SPS/N/AUS/376/Add.2 và G/SPS/N/AUS/376/Add.3; dựa trên thông tin bổ sung về ký chủ của loài vi khuẩn *Xylella*, Úc thông báo các biện pháp khẩn cấp đối với *Xylella* sẽ được mở rộng đối với vườn ươm thuộc họ thực vật *Hypericaceae*, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.  Phụ lục này liên quan tới: Việc sửa đổi nội dung phụ lục và (hoặc) phạm vi các quy định đã thông báo trước đó. |
| 15 | G/SPS/N/THA/456 | Thú y | Thái Lan | 02/11/2021 | Lệnh của Cục triển Chăn nuôi (DLD) về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của cúm gia cầm độc lực cao (Serotype H5N6 và H5N8) | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 20 tháng 7 năm 2021, việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam đã hết hiệu lực từ ngày 18 tháng 10 năm 2021. Tuy nhiên, OIE thông báo về dịch cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) tiếp tục bùng phát tại Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan phải ngăn chặn sự xâm nhập của cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E.2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam bị tạm ngừng trong thời hạn 90 ngày từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Công báo Hoàng gia Thái Lan (ngày 19 tháng 10 năm 2021). |
| 16 | G/SPS/N/NZL/672 | BVTV | Niu Di-lân | 02/11/2021 | Tiêu chuẩn sức khỏe của sản phẩm nhập khẩu (IHS): cây prunus dùng để trồng. | Sửa đổi: Quy định IHS liên quan đến cây prunus dùng để trồng, kéo dài thời gian chuyển tiếp thêm ba năm đến ngày 23 tháng 1 năm 2025. |
| 17 | G/SPS/N/NZL/671 | BVTV | Niu Di-lân | 02/11/2021 | Các sửa đổi đối với Tiêu chuẩn sức khỏe của sản phẩm nhập khẩu (IHS) liên quan đến Vườn ươm (155.02.06). | Sửa đổi: Quy định HIS liên quan đến vườn ươm để loại bỏ chi Hải đường (*Malus*) như là vật chủ của *Phytophthora ramorum* (mầm bệnh gây hại). |
| 18 | G/SPS/N/USA/3285 | BVTV | Hoa Kỳ | 05/11/2021 | Hoa Kỳ triển khai định dạng mới của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất | Hoa Kỳ đã thực hiện một định dạng mới cho giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để tái xuất. Việc sử dụng giấy chứng nhận bản in và sự phổ biến của giấy chứng nhận điện tử (ePhyto) trong đại dịch toàn cầu đã chứng minh rằng hàng hóa có thể được giao dịch an toàn và thành công mà không cần giấy chứng nhận bản in truyền thống. Hoa Kỳ đã cập nhật các biện pháp bảo mật trong hệ thống theo dõi và cấp phát giấy chứng nhận KDTV (PCIT) để cho phép mọi giấy chứng nhận KDTV (PC) được xác minh và giảm khả năng gian lận. Tất cả các giấy phép Hoa Kỳ phát hành đều bao gồm các đặc điểm: Được tạo ra thông qua một hệ thống dựa trên vai trò của giấy chứng nhận và bảo đảm an toàn; Có số chứng nhận riêng biệt đặt ở giữa, trên cùng của giấy chứng nhận; Biểu trưng của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ở trên cùng bên phải; Logo chìm của Tổ chức Bảo vệ Thực vật Bắc Mỹ (NAPPO) ở trung tâm phía dưới; Mã phản hồi nhanh (QR) độc nhất nằm ở phía dưới bên trái của giấy chứng nhận cho phép xác nhận trực tuyến; và xác thực trực tuyến của giấy chứng nhận sử dụng PCIT tại URL: <https://pcit.aphis.usda.gov/pcit/faces/ext_cert_viewer.jsf>.  APHIS đã đưa vào thông báo; hướng dẫn sử dụng công cụ xác nhận và mẫu của từng loại giấy chứng nhận mới.  Ngoài ra, ePhyto có thể được sử dụng cho các lô hàng được xuất khẩu từ Hoa Kỳ từ bất kỳ đối tác thương mại nào hiện đang sử dụng IPPC HUB. Hoa Kỳ mong muốn có thêm các đối tác thương mại tham gia hệ thống ePhyto. Với việc sử dụng ePhyto, mã QR và xác thực trực tuyến, Hoa Kỳ sẽ in tất cả các giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật tái xuất bằng bản in thường từ ngày 1 tháng 1 năm 2022. Một số giấy chứng nhận vẫn có thể xuất hiện trên giấy bảo mật đối với các mặt hàng đã được chứng nhận trước ngày 1 tháng 1 năm 2022. |
| 19 | G/SPS/N/NIC/121 | ATTP, Thú y | Ni-ca-ra-goa | 05/11/2021 | NTON 03001: 2021 Traces. Các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ. | Mục đích của quy định này là thiết lập các yêu cầu vệ sinh và dịch tễ tối thiểu phải tuân thủ của các Rastros (cơ sở chế biến) giết mổ và lấy thịt làm thức ăn cho con người. Đây là yêu cầu bắt buộc với các cơ sở chế biến, nơi chuyên giết mổ và giết mổ động vật (trâu, bò) để lấy thịt, làm thức ăn cho người. |
| 20 | G/SPS/N/CAN/1419 | ATTP | Canada | 05/11/2021 | Thông báo việc sửa đổi danh sách các enzyme thực phẩm được phép sử dụng alpha-Amylase Maltogenic từ ba nguồn: Bánh mì, Bột mì, Bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì không theo tiêu chuẩn | Cục Quản lý Thực phẩm (Bộ Y tế Canada) đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường với ba đệ trình phụ gia thực phẩm xin phê duyệt sử dụng maltogenic alpha-amylase từ *Bacillus licheniformis* HyGe750n6, *B. subtilis* RF13018 và *Saccharomyces cerevisiae* M17906 trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và sản phẩm bánh không theo tiêu chuẩn.  Maltogenic alpha-amylase từ các nguồn khác đã được phép sử dụng trong những thực phẩm này. Tuy nhiên, các nguồn sinh vật mới, *B. licheniformis* HyGe750n6, *B. subtilis* RF13018, và *S. cerevisiae* M17906, không là nguồn được phép cho bất kỳ loại enzyme thực phẩm nào ở Canada.  Kết quả của các cuộc đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường liên quan đến sự an toàn việc sử dụng maltogenic alpha-amylase từ ba nguồn này. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng maltogenic alpha-amylase từ *B. licheniformis* HyGe750n6, *B. subtilis* RF13018 và *S. cerevisiae* M17906 được mô tả trong tài liệu bên dưới bằng cách sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 10 năm 2021. Bộ Y tế Canada cũng đã cập nhật danh sách từ nguồn *B. licheniformis* MDT06-221, *B. subtilis* BS154 và *B. subtilis* RF12029 trong danh sách để phản ánh cấu hình alpha của maltogenic amylase được mô tả trong tài liệu.  Mục đích của thông tin này để thông báo công khai quyết định của Bộ, để cung cấp thông tin liên hệ cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc chứng cứ khoa học mới liên quan đến sự an toàn của enzym thực phẩm từ ba nguồn mới. |
| 21 | G/SPS/N/BRA/1427/ Add.5 | Tất cả | Braxin | 05/11/2021 | Hướng dẫn Chỉ thị số 104, ngày 1 tháng 11 năm 2021, sửa đổi hướng dẫn Chỉ thị số 60, ngày 23 tháng 12 năm 2019 | Hướng dẫn Chỉ thị số 60, ngày 23 tháng 12 - được thông báo trước đó qua G/SPS/N/BRA/1427/Add.1, thiết lập danh sách các tiêu chí vi sinh trong an toàn vệ sinh thực phẩm, đã được sửa đổi. Hướng dẫn Chỉ thị có hiệu lực từ ngày 1 tháng 12 năm 2021.  Văn bản đã sửa đổi có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: [http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6253747/IN\_104\_2021\_.pdf /196ddcac-0662-44d1-83ec-665748fb3636](http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6253747/IN_104_2021_.pdf/196ddcac-0662-44d1-83ec-665748fb3636).  Phụ lục này liên quan đến:  - Sửa đổi nội dung (hoặc phạm vi) dự thảo quy định đã thông báo trước đó  - Thay đổi ngày đề xuất được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 22 | G/SPS/N/UKR/167 | Thú y | Ucraina | 09/11/2021 | Dự thảo Nghị quyết của Nội Bộ trưởng Ucraina "Về việc phê duyệt thủ tục thành lập trang trại chăn nuôi với mục tiêu xuất khẩu, nhập khẩu và phòng ngừa hoạt động có rủi ro cao". | Việc thông qua dự thảo Nghị quyết sẽ cho phép xác định rõ ràng quy trình chấp thuận các trang trại chăn nuôi có mục đích xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động có rủi ro cao. |
| 23 | G/SPS/N/EU/514 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 10/11/2021 | Quy chế thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1900 ngày 27 tháng 10 năm 2021 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/1793 về việc tăng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức, khẩn cấp liên quan đến việc nhập khẩu một số hàng hóa từ một số nước thứ ba vào Liên minh, thực hiện Quy định (EU) 2017/625 và (EC) 178/2002 của Hội đồng và Nghị viện Châu Âu | Quy định (EU) 2019/1793 đưa ra các quy tắc liên quan đến việc gia tăng tạm thời các biện pháp kiểm soát khi gia nhập khẩu vào Liên minh đối với một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật từ một số nước thứ ba (trong Phụ lục I); các điều kiện nhập khẩu đặc biệt đối với một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ một số nước thứ ba do nguy cơ ô nhiễm bởi độc tố nấm mốc, bao gồm aflatoxin, dư lượng thuốc trừ sâu, pentachlorophenol và dioxin và ô nhiễm vi sinh (trong Phụ lục II - tăng cường kiểm soát biên giới chính thức và chứng chỉ chính thức kèm theo kết quả lấy mẫu và phân tích ở nước thứ ba); và, đình chỉ nhập cảnh vào Liên minh đối với một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ một số nước thứ ba (trong Phụ lục IIa).  Quy chế thực thi này sửa đổi Phụ lục I và II của Quy chế thực thi (EU) 2019/1793, đặc biệt đối với hàng hóa từ Argentina, Brazil, Ai Cập, Ethiopia, Gambia, Georgia, Ghana, Ấn Độ, Malaysia, Sri Lanka, Sudan, Thổ Nhĩ Kỳ, Uganda, Hoa Kỳ.  Ngoài ra, Quy chế thực thi sửa đổi một số Điều của Quy chế thực thi (EU) 2019/1793, liên quan đến định nghĩa về nước xuất xứ, thay thế cụm từ 'thực phẩm hỗn hợp' bằng 'thực phẩm bao gồm hai hoặc nhiều thành phần' và khoảng thời gian chuyển tiếp.  Hơn nữa, Phụ lục IV của Quy chế thực thi (EU) 2019/1793 đã được sửa đổi để đảm bảo sự nhất quán với giấy chứng nhận nhập khẩu khác. |
| 24 | G/SPS/N/CHL/702 | Thú y, ATTP | Chi Lê | 10/11/2021 | Thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc chấp thuận các sản phẩm thịt đã qua chế biến từ bò, cừu, lợn và gia cầm của Chilê và bãi bỏ các Nghị quyết Miễn trừ số 24/2000 và 1.552/2008 | Dự thảo nghị quyết thiết lập các yêu cầu về vệ sinh đối với việc nhập khẩu vào Chi Lê các sản phẩm thịt chế biến từ bò, cừu, lợn và gia cầm, nêu rõ những điều sau:  - Định nghĩa các sản phẩm thịt đã qua chế biến được thiết lập, chia chúng thành bốn loại: tươi sống, nửa sống nửa chín, sống do được axit hóa và chín;  - Các điều kiện chung được thiết lập cho bốn loại, bao gồm:  • Đánh giá tốt của cơ quan y tế của nước xuất xứ;  • Giấy chứng nhận y tế;  • Các yêu cầu vệ sinh động vật liên quan đến sản phẩm;  • Các yêu cầu vệ sinh đối với nguyên liệu thô mà sản phẩm được tạo ra;  • Các yêu cầu xuất xứ;  • Các điều kiện cụ thể được thiết lập để nhập khẩu sản phẩm dựa trên chủng loại sản phẩm, loài động vật và các rủi ro về bệnh có liên quan;  • Các yêu cầu vệ sinh liên quan đến vệ sinh của sản phẩm từ nơi xuất xứ, hoặc tuân thủ các biện pháp được mô tả;  • Điều kiện khác.  Để biết thêm chi tiết, xem lại tài liệu đính kèm thông báo này. |
| 25 | G/SPS/N/ARE/240, G/SPS/N/BHR/220 G/SPS/N/KWT/106, G/SPS/N/OMN/116 G/SPS/N/QAT/120, G/SPS/N/SAU/454 G/SPS/N/YEM/61 | BVTV, ATTP | Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất | 10/11/2021 | Dầu ô liu dùng cho thực phẩm và bã dầu ô liu. | Tiêu chuẩn của các nước Vùng Vịnh liên quan đến dầu ô liu và bã dầu ô liu được mô tả trong phần 3, sử dụng cho con người. |
| 26 | G/SPS/N/USA/3287 | BVTV, ATTP | Hoa Kỳ | 11/11/2021 | Dư lượng thuốc trừ sâu benzobicyclon; Quy tắc cuối cùng. | Quy định này làm tăng dư lượng của benzobicyclon trong hoặc trên hạt gạo và loại bỏ bất kỳ hạn chế nào đối với việc sử dụng trong khu vực. |
| 27 | G/SPS/N/USA/3286 | BVTV, ATTP | Hoa Kỳ | 11/11/2021 | Dư lượng thuốc trừ sâu fluensulfone. Quy tắc cuối cùng. | Quy định này thiết lập và loại bỏ dung sai đối với dư lượng của fluensulfone trong hoặc trên nhiều loại cây trồng |
| 28 | G/SPS/N/URY/65 | BVTV | Uruguay | 11/11/2021 | Dự thảo Nghị định về việc đưa Nghị quyết MERCOSUR GMC số 10/20 Tiêu chuẩn 3.7 vào hệ thống pháp luật quốc gia. Các yêu cầu kiểm dịch thực vật hài hòa theo loại rủi ro đối với việc nhập các vật phẩm được quản lý (Bãi bỏ Nghị quyết số 52/02 của GMC) ”. | Các yêu cầu kiểm dịch thực vật hài hòa được phê duyệt theo loại rủi ro đối với việc nhập khẩu các sản phẩm được quản lý. |
| 29 | G/SPS/N/KOR/501/ Add.1 | BVTV | Hàn Quốc | 12/11/2021 | Sửa đổi các khu vực bị cấm và vật chủ của viroid củ khoai tây (PSTVd) | Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc, sửa đổi danh sách các khu vực bị cấm và cây ký chủ của viroid củ khoai tây (PSTVd), một trong những loài gây hại kiểm dịch bị cấm của Hàn Quốc, dựa trên kết quả của phân tích rủi ro dịch hại (PRA). Việc nhập khẩu hạt giống để gieo hạt, thân và lá tươi, các bộ phận sống và tươi dưới đất của cây ký chủ từ các khu vực cụ thể sẽ bị cấm theo các lô hàng có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, được vận chuyển vào và sau ngày 11 tháng 11 năm 2021. Thông tin về các khu vực bị cấm và cây ký chủ viroid củ khoai tây (PSTVd) được trình bày chi tiết trong tài liệu đính kèm 1 (tiếng Anh). |
| 30 | G/SPS/N/IND/272 | ATTP | Ấn Độ | 12/11/2021 | Dự thảo sửa đổi quy định năm 2018 về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn Sản phẩm Thực phẩm và Phụ gia Thực phẩm),. | Dự thảo sửa đổi quy định về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn Sản phẩm Thực phẩm và Phụ gia Thực phẩm), năm 2021 liên quan đến:  (i) Giảm hàm lượng chất béo đối với sữa đôi (DTM);  (ii) Bỏ qua "sữa đông" được ghi chung với Dahi trong 2.1.13;  (iii) Bỏ qua quy định phụ 2.1.19 liên quan đến 'Thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh';  (iv) Tiêu chuẩn đối với gạo Basmati;  (v) Trong 2.4.11 (4) w.r.t. protein và chất lượng của nó được chỉ định dưới đây. Công thức bổ sung cho trẻ em;  (vi) Sửa đổi các tiêu chuẩn cho các sản phẩm thịt bị cắt nhỏ hoặc tái cấu trúc;  (vii) Sửa đổi hàm lượng tro đối với trứng gà Guinea trong Tiêu chuẩn 'Trứng tươi';  (viii) Giới hạn của formaldehyde tự nhiên trong cá có vây và động vật có vỏ;  (ix) Thay đổi tuyên bố ghi nhãn từ 'chứa chất béo thực vật' thành 'tương đương bơ ca cao' trong trường hợp sôcôla;  (x) Xóa thông số 'hàm lượng canxi được biểu thị dưới dạng canxi oxit trên cơ sở khô' đối với hạt nhục đậu khấu (toàn bộ);  (xi) Trong quy định phụ 2.9,30 'Muối iốt tăng cường sắt (Muối tăng cường kép)';  (xii) Liên quan đến Chương 3: Phụ lục A & C |
| 31 | G/SPS/N/CHN/1240 | Thú y, ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Quy tắc thực hành vệ sinh sản xuất sản phẩm thịt thế biến sẵn. | Tiêu chuẩn xác định các yêu cầu cơ bản và các nguyên tắc quy định đối với việc sản xuất các sản phẩm thịt chế biến sẵn, trong các lĩnh vực thu mua nguyên liệu thô, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển, v.v. liên quan đến khu vực chế biến, cơ sở và thiết bị và công nhân. Tiêu chuẩn này có thể áp dụng để sản xuất các sản phẩm thịt chế biến sẵn. |
| 32 | G/SPS/N/CHN/1239 | ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Thực hành tốt sản xuất thực phẩm cho mục đích y tế đặc biệt. | Tiêu chuẩn này là thực hành sản xuất tốt áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt. |
| 33 | G/SPS/N/CHN/1238 | Thú y, BVTV, QLCL, ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Chất khử trùng | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu an toàn đối với nguyên liệu, đặc tính cảm quan, chỉ số vệ sinh và nhãn của chất khử trùng đối với thực phẩm và vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. |
| 34 | G/SPS/N/CHN/1237 | Thú y, BVTV, QLCL, ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Vật liệu và Sản phẩm cao su dùng để Tiếp xúc với Thực phẩm. | Tiêu chuẩn này quy định phạm vi, thuật ngữ và định nghĩa, yêu cầu cơ bản, yêu cầu về nguyên liệu thô, yêu cầu cảm quan, chỉ tiêu hóa lý, yêu cầu kỹ thuật khác, thử nghiệm di chuyển và yêu cầu ghi nhãn đối với vật liệu cao su và các sản phẩm dự định tiếp xúc với thực phẩm. |
| 35 | G/SPS/N/CHN/1236 | Thú y, BVTV, QLCL, ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Vật liệu nhựa và các sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm (GB 4806.7) | Tiêu chuẩn này áp dụng cho các vật liệu và vật phẩm bằng nhựa tiếp xúc với thực phẩm, bao gồm vật liệu và vật phẩm đàn hồi dẻo nhiệt dẻo không có lưu hóa. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các vật liệu nhựa làm từ tinh bột và các sản phẩm dùng để tiếp xúc với thực phẩm. Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ và định nghĩa, các yêu cầu cơ bản, yêu cầu kỹ thuật (bao gồm yêu cầu nguyên liệu, yêu cầu cảm quan, chỉ tiêu hóa lý, v.v.) và yêu cầu ghi nhãn của vật liệu nhựa và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm. |
| 36 | G/SPS/N/CHN/1235 | Thú y, BVTV, QLCL, ATTP | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Chất kết dính được sử dụng trong các vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm | Tiêu chuẩn này quy định định nghĩa, phân loại, yêu cầu an toàn của các chất thô, đặc tính cảm quan, chỉ số vệ sinh, thử nghiệm chuyển đổi và nhãn của chất kết dính được sử dụng trong vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm. |
| 37 | G/SPS/N/CHN/1234 | Thú y | Trung Quốc | 15/11/2021 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Quy tắc Thực hành Vệ sinh cho Gia súc và Gia cầm và Phụ phẩm. | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu cơ bản về địa điểm, phương tiện, thiết bị, nhân sự và tiêu chuẩn quản lý kiểm soát vệ sinh đối với việc thu mua nguyên liệu thô, phân loại, sửa chữa, làm sạch, làm mát, kiểm tra, đóng gói, bảo quản và vận chuyển, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm trong chế biến gia súc ăn được và các sản phẩm phụ gia cầm.  Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho việc chế biến các phụ phẩm gia súc và gia cầm ăn được, và cũng bao gồm cả việc thu thập máu gia súc và gia cầm. |
| 38 | G/SPS/N/NZL/674 | BVTV | Niu Di-lân | 16/11/2021 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu ngũ cốc và hạt để tiêu dùng cho người, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến | Chính phủ Niu Di-lânđang sửa đổi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu cho các sản phẩm ngũ cốc và hạt để tiêu dùng cho người, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu ngày 12 tháng 11 năm 2021 thay thế phiên bản trước đó của tiêu chuẩn ngày 21 tháng 6 năm 2021. Dự thảo này sẽ sửa đổi thông qua loại bỏ các yêu cầu nhập khẩu khỏi GCFP.IHS đối với các sinh vật dưới đây:  1. Virus đốm vàng trên *Phaseolus* spp;  2. Virus khảm vàng trên *Pisum* spp. và *Vicia* spp;  3. Virus khảm hoa đậu biếc trên *Pisum* spp. và *Vicia* spp;  4. Virus gây bệnh lùn sọc lạc trên *Phaseolus* spp. and *Vicia* spp.;  5. Virus khảm cỏ ba lá đỏ “Red clover vein mosaic” trên *Vicia* spp ;  6. Virus đốm trắng hoa hướng dương trên *Helianthus* spp  Sửa đổi này không đề xuất bất kỳ yêu cầu nhập khẩu bổ sung nào đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu. Nó chỉ loại bỏ các yêu cầu không thực tế đối với các sinh vật cụ thể để tạo thuận lợi cho thương mại. |
| 39 | G/SPS/N/JPN/875 | ATTP | Nhật Bản | 16/11/2021 | Chỉ định muramidase làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. | MAFF sẽ chỉ định muramidase làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và thiết lập các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật theo Sắc lệnh của Bộ trưởng trong "Thông báo của Bộ trưởng về việc chỉ định phụ gia thức ăn chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản thông báo số 750 ban hành vào ngày 24 tháng 7 1976) và Pháp lệnh của Bộ trưởng về quy cách và tiêu chuẩn của thức ăn và phụ gia thức ăn chăn nuôi" (Pháp lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp).  (Đề xuất sửa đổi)  Muramidase: Một loại enzym cơ bản có trong nước bọt, nước mắt, lòng trắng trứng và nhiều chất dịch động vật. Nó hoạt động như một chất kháng khuẩn. Muramidase chỉ được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn cho gà thịt |
| 40 | G/SPS/N/CHN/1159/ Add.2 | ATTP, CT | Trung Quốc | 17/11/2021 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Thực hành Sản xuất Tốt áp dụng cho Sữa Công thức bột cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ | Dựa trên tài liệu G / SPS / N / CHN / 1159 / Add.1 được thông báo vào ngày 8 tháng 3 năm 2021, chủ yếu sửa đổi yêu cầu về nhà xưởng và thiết bị trong Chương 4, phụ lục này sửa đổi các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến thức ăn công thức dạng lỏng. |
| 41 | G/SPS/N/CHL/703 | BVTV | Chi lê | 18/11/2021 | Phê chuẩn văn bản phối hợp và hệ thống hóa của các Nghị quyết thiết lập các yêu cầu KDTV đối với việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc thực vật khô của loài và nguồn gốc, để tiêu thụ, cập nhật các yêu cầu và cách xử lý và bãi bỏ các Nghị quyết liên quan. | Cập nhật các yêu cầu và phương pháp kiểm dịch, đáng chú ý là những điều sau:  - Tạo điều kiện cho người sử dụng và cơ quan kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu hiểu được các quy định của sản phẩm sấy khô được quy định trong các Nghị quyết khác nhau (số 3.691 năm 2002, số 28 năm 2003, số 1.781 năm 2002, số 3.347 năm 2006, số 7.934 năm 2020, số 2.687 năm 2020 và số 8.308 năm 2020);  - Phối hợp và hệ thống hóa các nghị quyết được chỉ định để chúng vẫn nằm trong một cơ quan pháp lý duy nhất;  - Cập nhật các phương pháp kiểm dịch;  - Cập nhật các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, vì một số loài là vật chủ của nấm *Trogoderma granarium*, theo bản cập nhật của Phân tích rủi ro dịch hại đối với dịch hại kiểm dịch (ARPC). |
| 42 | G/SPS/N/EGY/130 | ATTP, Thú y | Ai Cập | 19/11/2021 | Nghị định số 222/2021 của Bộ trưởng về "Sản phẩm thịt gia cầm đã qua xử lý nhiệt". | Nghị định số 222/2021 của Bộ trưởng cho phép thời gian chuyển tiếp sáu tháng để các nhà sản xuất và nhập khẩu tuân thủ Tiêu chuẩn ES 3493 của Ai Cập "Các sản phẩm thịt gia cầm được xử lý bằng nhiệt". Tiêu chuẩn này đã được xây dựng theo các nghiên cứu của quốc gia. |
| 43 | G/SPS/N/EGY/129 | ATTP, Công Thương | Ai Cập | 19/11/2021 | Nghị định số 219/2021 của Bộ trưởng quy định Tiêu chuẩn của Ai Cập ES 8448 "Cà phê hòa tan". | Nghị định số 219/2021, cho phép thời gian chuyển tiếp là 06 tháng để các nhà sản xuất và nhập khẩu tuân thủ Tiêu chuẩn của Ai Cập ES 8448 "Cà phê hòa tan" liên quan đến các yêu cầu cơ bản và tiêu chí mô tả đối với các sản phẩm cà phê như sau: Cà phê hòa tan và cà phê cà phê hòa tan đã khử caffein.  Tiêu chuẩn này không áp dụng cho cả chiết xuất cà phê lỏng đậm đặc và các sản phẩm làm từ cà phê (như cappuccino, v.v.).  Cần lưu ý rằng tiêu chuẩn này hủy bỏ và thay thế các yêu cầu đối với cà phê hòa tan có trong Tiêu chuẩn Ai Cập ES số 517, 1474-1 / 2005 "Cập nhật năm 2014". |
| 44 | G/SPS/N/EGY/128 | ATTP, Công Thương, BVTV | Ai Cập | 19/11/2021 | Nghị định số 219/2021 của Bộ trưởng quy định Tiêu chuẩn của Ai Cập ES 8449 "Hạt cà phê xanh dành cho sản xuất cà phê hòa tan". | Nghị định số 219/2021, cho phép thời gian chuyển tiếp là 06 tháng để các nhà sản xuất và nhập khẩu tuân thủ Tiêu chuẩn ES 8449 của Ai Cập về "Hạt cà phê xanh dành cho sản xuất cà phê hòa tan".  Tiêu chuẩn này liên quan đến các yêu cầu cơ bản và các tiêu chuẩn có tính mô tả đối với hạt cà phê xanh mà được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm cà phê hòa tan, và không phải để sử dụng như là một sản phẩm cuối cùng.  Cần lưu ý rằng tiêu chuẩn này hủy bỏ và thay thế các yêu cầu đối với cà phê hòa tan có trong Tiêu chuẩn Ai Cập ES số 517, 1474-1 / 2005 "Cập nhật năm 2014". |
| 45 | G/SPS/N/AUS/502/Add.15 | BVTV | Úc | 19/11/2021 | Khởi đầu giai đoạn 4 và giai đoạn 5 của các biện pháp khẩn cấp đối với mọt cứng đốt Khapra | Khởi đầu giai đoạn 4 và giai đoạn 5 của các biện pháp khẩn cấp đối với mọt cứng đốt Khapra.  Vào ngày 4 tháng 8 năm 2020, Úc đã ban hành thông báo SPS (G/SPS/N/AUS/502), theo đó công bố cho các đối tác thương mại về ý định thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ Úc trước sự xâm nhập và lây lan của mọt cứng đốt khapra (*Trogoderma granarium*). Các biện pháp khẩn cấp đang được thực hiện theo từng giai đoạn và sẽ dẫn đến những thay đổi về các điều kiện nhập khẩu đối với sản phẩm thực vật và các container đường biển.  Phụ lục này nhằm thông báo cho các đối tác thương mại về dự kiến sẽ ​​bắt đầu giai đoạn 4 và giai đoạn 5 trong các biện pháp khẩn cấp đối với mọt cứng đốt khapra vào đầu năm 2022, và sự kéo dài giai đoạn 6A của các biện pháp vào phần cuối của năm 2021.  Các biện pháp của giai đoạn 4 và 5.  Vào đầu năm 2022, giai đoạn 4 và giai đoạn 5 của các hành động khẩn cấp đối với mọt cứng đốt khapra được dự kiến ​​sẽ bắt đầu. Giai đoạn 4 sẽ đưa ra các yêu cầu sửa đổi dành cho chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm từ thực vật có các nguy cơ khác được xuất khẩu từ tất cả các nước. Giai đoạn 5 sẽ đưa ra các yêu cầu chứng nhận kiểm dịch thực vật cho hạt giống gieo trồng được xuất khẩu từ tất cả các nước và mọi hình thức vận chuyển.  Tóm tắt các yêu cầu mới:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Giai đoạn | Hàng hóa | Quốc gia xuất khẩu | Yêu cầu sản phẩm | | Giai đoạn 4 | Các sản phẩm kế hoạch rủi ro khác | Tất cả các quốc gia | Kèm theo giấy chứng nhận sản phẩm kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp với sự bổ sung công bố: "Các mẫu đại diện đã được kiểm tra và không tìm thấy bằng chứng nào về bất kỳ loài *Trogoderma* nào (dù còn sống, đã chết hay lột xác) trong danh sách của các loài *Trogoderma* cần quan tâm đến vấn đề an toàn sinh học của Úc." | | Giai đoạn 5 | Hạt giống để gieo | Tất cả các quốc gia | Kèm theo giấy chứng nhận sản phẩm kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp với sự bổ sung của tuyên bố: "Các mẫu đại diện đã được kiểm tra và không tìm thấy bằng chứng nào về bất kỳ loài Trogoderma nào (dù còn sống, đã chết hay lột xác) trong danh sách của các loài Trogoderma cần quan tâm đến vấn đề an toàn sinh học của Úc." |   Việc không tuân thủ các yêu cầu trên có thể ảnh hưởng đến việc xuất khẩu hàng hóa và/ hoặc container đang đến Úc. Úc sẽ xem xét các thỏa thuận chuyển tiếp để cung cấp chỗ để cho các lô hàng đang vận chuyển đến gần vào thời điềm mà sự thay đổi được áp dụng.  Nếu các sản phẩm sẽ được đóng gói trong một container đường biển FCL/ FCX ở một quốc gia có nguy cơ về mọt cứng đốt khapra và sẽ được mở ra trong một khu vực trồng ngũ cốc của Úc, thì bản thân container đường biển sẽ phải qua xử lý. Xem thêm chi tiết trên trang web về container đường biển.  Mở rộng các biện pháp Giai đoạn 6A.  Từ ngày 12 tháng 7 năm 2021, các yêu cầu xử lý bắt buộc từ ngoài khơi đã được áp dụng đối với các container FCL/ FCX cho tất cả mọi loại hàng hóa từ các quốc gia có nguy cơ về mọt cứng đốt khapra và có dự định là sẽ được mở ra tại các khu vực nông thôn trồng ngũ cốc của Úc. Để giảm thiểu hơn nữa nguy cơ du nhập và lây lan mọt cứng đốt khapra đến các vùng nông thôn có nguy cơ cao, Úc sẽ mở rộng thêm yêu cầu này, để bao gồm tất cả các container có dự định là sẽ được mở ra ở những vùng nông thân trồng hạt của Úc. Điều này sẽ có hiệu lực đối với các container FCL/ FCX được nhắc đến ở trên và được xuất khẩu vào từ ngày 15 tháng 12 năm 2021. Việc mở rộng các biện pháp của giai đoạn 6A được dự đoán là sẽ chỉ gây ra các tác động tối thiểu đến sự hoạt động của nghành.  Lưu ý: Sau khi đưa vào áp dụng, webpages về các biện pháp áp dụng cho container đường biển, trường hợp của BICON: việc thực hiện làm sạch các cargo không có hàng hóa, các công cụ tìm kiếm cho sự phân loại mã bưu điện và danh sách mã bưu điện của các vùng trồng ngũ cốc sẽ được cập nhật, bao gồm thêm cả mã bưu điện của các vùng trồng hạt. |
| 46 | G/SPS/N/EU/515 | BVTV | Liên minh Châu ÂU | 23/11/2021 | Dự thảo Quy chế thực thi của Ủy ban về sửa đổi Quy định (EU) số 2015/1295 và 540/2011 liên quan đến các điều kiện phê duyệt hoạt chất sulfoxaflor | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban này quy định rằng các điều kiện phê duyệt cho hoạt chất sulfoxaflor được sửa đổi theo Quy định (EC) số 1107/2009 dựa trên việc đánh giá các dữ liệu đã được xác nhận theo như yêu cầu trong Quy định (EU) 2015/1295 ngày 27 tháng 7 năm 2015, phê duyệt việc sử dụng hoạt chất sulfoxaflor ở Liên minh Châu Âu. Các quy định hiện hành cho các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa sulfoxaflor sẽ được xem xét lại cho phù hợp với những giới hạn của đạo luật này.  Tuy nhiên, quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa chất này ra thị trường. Sau khi hạn chế việc phê duyệt và thời gian hết hạn kế tiếp đối với tất cả các kho sản sản phẩm có thời gian gia hạn, hành động pháp lý riêng biệt sẽ được thực hiện cho việc quy định mức dư lượng tối đa và một thông báo riêng sẽ được đưa ra, tuân thủ theo thủ tục của SPS khi đến thời điểm cần thiết.  Dự thảo Quy chế thực hiện này của Ủy ban cũng đã được thông báo theo Hiệp định TBT, trong thông báo G/TBT/N/EU/853. |
| 47 | G/SPS/N/USA/3288 | ATTP, Thú y | Hoa Kỳ | 25/11/2021 | Dự thảo dư lượng thuốc trừ sâu  pyriproxyfen; Quy tắc cuối cùng. | Quy định này thiết lập các mức tồn dư đối với dư lượng của pyriproxyfen, bao gồm cả các chất chuyển hóa và chất phân hủy của nó, trong hoặc trên trứng; gia cầm mỡ; thịt gia cầm, và phụ phẩm từ thịt gia cầm. |
| 48 | G/SPS/N/ARE/24, G/SPS/N/BHR/221 G/SPS/N/KWT/107, G/SPS/N/OMN/117 G/SPS/N/QAT/121, G/SPS/N/SAU/455 G/SPS/N/YEM/62 | CT | Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất | 25/11/2021 | Ả Rập Xê Út/Hội đồng các Quốc gia Ả Rập vùng Vịnh dự thảo Quy định kỹ thuật cho “Đồ uống có ga” | Dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với đồ uống có ga và nước có ga (nước lọc có ga). Dự thảo bao gồm yêu cầu về an toàn thựuc phẩm và yêu cầu về ghi nhãn đối với đồ uống có ga và nước có ga. |
| 49 | G/SPS/N/TZA/156 | QLCL, ATTP | Tanzania | 26/11/2021 | DEAS 832: 2021, Hướng dẫn quy trình vệ sinh thực phẩm - Công nghiệp sản xuất cá, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi bao gồm các hướng dẫn đảm bảo quy trình vệ sinh thực phẩm trong quy trình ngành công nghiệp sản xuất cá. |
| 50 | G/SPS/N/KOR/742 | BVTV, ATTP | Hàn Quốc | 26/11/2021 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Các đề xuất sửa đổi bao gồm:  - Hủy bỏ quy định giới hạn tồn dư tối đa của thuốc bảo vệ thực vật chưa đăng ký tại Hàn Quốc (79 loại thuốc trừ sâu bao gồm cả dimethoate);  - Rà soát và thiết lập giới hạn tồn dư tối đa của thuốc bảo vệ thực vật của sản phẩm nông sản (131 loại thuốc trừ sâu bao gồm iminoctadine);  - Sửa đổi và thiết lập các phương pháp thử nghiệm chung. |
| 51 | G/SPS/N/USA/3289 | BVTV, ATTP | Hoa Kỳ | 29/11/2021 | Tiếp nhận hồ sơ kiến nghị liên quan đến lượng tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên một số mặt hàng. Thông báo về việc nộp hồ sơ khởi kiện và yêu cầu bình luận. | Văn bản thông báo việc Cơ quan đã tiếp nhận một số hồ sơ kiến nghị ban đầu liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên một số mặt hàng. |
| 52 | G/SPS/N/EU/518 | Chăn Nuôi, Thú y | Liên minh châu Âu | 30/11/2021 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/2092 liên quan đến việc cho phép kali diformate làm phụ gia thực phẩm cho lợn cho mục đích tăng trọng và cai sữa cho lợn con | Quy định (EC) số 1831/2003 quy định việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong thực phẩm dinh dưỡng của động vật và thủ tục cấp phép các quy định này. Theo Điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn xin cấp phép sử dụng kali diformate đã được đệ trình. Đơn đăng ký và tài liệu chi tiết tuân thủ Điều 7(3) Quy định (EC) số 1831/2003. Đơn đăng ký sử dụng kali diformate làm phụ gia thực phẩm cho lợn cho mục đích tăng trọng và cai sữa cho lợn con được phân loại theo mục ‘phụ gia thực phẩm’. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) kết luận vào ngày 5 tháng 5 năm 2021, theo hàm lượng sử dụng cho phép, kali diformate không có tác động xấu đến sức khỏe động vật, môi trường và an toàn cho người sử dụng. EFSA đồng thời kết luận kali diformate không gây ảnh hưởng tới hệ hô hấp và da, nhưng sẽ gây gây kích ứng khi tiếp xúc với mắt. Ủy ban khuyến nghị sử dụng biện pháp bảo vệ phù hợp để đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đặc biệt là với người sử dụng chất phụ gia. EFSA kết luận kali diformate có hiệu quả giống như phụ trong thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, EFSA đảm bảo tính xác thực của báo cáo Phòng thí nghiệm tham chiếu sử dụng trong Quy định (EC) số 1831/2003 liên quan đến phương pháp phân tích phụ gia trong thức ăn chăn nuôi. |
| 53 | G/SPS/N/EU/517 | Chăn Nuôi, Thú y | Liên minh châu Âu | 30/11/2021 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/2095 ngày 29 tháng 11 năm 2021 liên quan đến việc cho phép L-lysine base, L-lysine monohydrochloride và L-lysine sulphate sử dụng làm phụ gia thức ăn các loài động vật | Quy định (EC) số 1831/2003 cho phép phụ gia trong thực phẩm dinh dưỡng của động vật và thủ tục cấp phép các quy định này. Theo Điều 7 Quy định (EC) số 1831/2003, đơn đăng ký đã được nộp để cấp phép sử dụng L-lysine base, L-lysine monohydrochloride và L-lysine sulphate. Đơn đăng ký tuân thủ Điều 7(3). Đơn đăng ký cấp phép sử dụng L-lysine và L-lysine monohydrochloride từ Corynebacterium glutamicum KCCM 80183, L-lysine monohydrochloride và L-lysine sulphate từ Corynebacterium glutamicum CCTCC M 2015595 và L-lysine sulphate từ *Corynebacterium* như phụ gia thực phẩm của thức ăn động vật, được phân loại vào nhóm ‘phụ gia thực phẩm dinh dưỡng’, nhóm chức năng ‘axit amin, muối của chúng và các chất tương tự’. |
| 54 | G/SPS/N/EU/516 | BVTV | Liên minh châu Âu | 30/11/2021 | Dự thảo Quy định của Ủy ban Thực thi rút lại đơn chấp thuận sử dụng hoạt chất isopyrazam theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng, liên quan đến việc đưa sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường, sửa đổi Quy chế Thực thi Ủy ban (EU) số 540/2011 và bãi bỏ Quy định thực thi (EU) số 1037/2012 | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban quy định việc phê duyệt sử dụng hoạt chất isopyrazam sẽ bị rút lại theo Quy định (EC) số 1107/2009.  Quốc gia thành viên EU sẽ rút lại giấy phép đăng ký với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất isopyrazam.  Để hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009 (liên quan đến việc đưa sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường), hoạt chất đó phải chứng minh được tính an toàn (không gây hại tới sức khỏe con người, động vật, môi trường). Các tiêu chí liệt kê phải được đáp ứng theo Điều 4 và Phụ lục II để đảm bảo được chấp thuận.  Các hoạt chất có thể bị rà soát vào bất cứ lúc nào, theo phát hiện mới nhất của khoa học cho thấy chất đó có dấu hiệu không đáp ứng được các tiêu chí của Điều 4 Quy định (EC) số 1107/2009.  Hoạt chất đã (hoặc đang) phân vào nhóm 1B (R1B) độc hại cho việc sinh sản theo Quy định (EC) số 1272/2008 sẽ không được chấp thuận trừ khi việc phơi nhiễm khi sử dụng trên thực tế là không đáng kể (đối với con người).  Vào tháng 12 năm 2020, Ủy ban Đánh giá Rủi ro ECHA kết luận rằng *isopyrazam* đáp ứng tiêu chí của nhóm R1B. Không thể chứng minh tính không đáng kể của việc phơi nhiễm vì dư lượng trong cây trồng ở mức được dự đoán trước (do đó không có phơi nhiễm không đáng kể được chứng minh cho người sử dụng).  Điều này có nghĩa là isopyrazam không còn đáp ứng tiêu chuẩn Quy định (EC) số 1107/2009 và do đó, việc phê duyệt sử dụng hoạt chất isopyrazam sẽ bị rút lại.  Giấy xác nhận hiện tại cần được thu hồi; Các quốc gia thành viên phải thu hồi các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa isopyrazam trong thời gian chậm nhất là ba tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực. Theo Điều 46 Quy định 1107/2009, các quốc gia sẽ được gia hạn, và việc gia hạn sẽ kết thúc sau sáu tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực.  Quyết định này chỉ bao hàm việc đưa isopyrazam ra thị trường và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa isopyrazam. Sau khi rút lại phê duyệt và đã hết thời gian gia hạn, hành động áp dụng cho MRLs có thể được thực thi, và sẽ có thông báo theo đúng quy trình SPS.  Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban đồng thời được thông báo với TBT trong thông báo G/TBT/N/EU/857. |

1. **Danh sách các Văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia thông báo** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/NZL/649/ Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 08/11/2021 | Đề xuất sửa đổi về tiêu chuẩn y tế nhập khẩu của hạt giống để gieo trồng (155.02.05) | Phụ lục này liên quan tới:  - Bổ sung các yêu cầu nhập khẩu đối với hạt giống gieo *Cucumis melo* (dưa lưới) và *Citrullus lanatus* (dưa hấu) nhập khẩu vào Niu Di-lân. Mục đích của các yêu cầu mới là quản lý nguy cơ nhiễm virus đốm hoại tử từ dưa lưới trên các vật chủ đã biết. Các yêu cầu mới về vi rút gây bệnh đốm hoại tử dưa lưới này được ghi nhận trong phụ lục của chi thực vật *Cucumis* (phần 2.27 của tiêu chuẩn y tế nhập khẩu của `Hạt giống gieo (155.02.05)).  - Một sửa đổi loại bỏ các biện pháp được đề xuất khỏi hạt dưa chuột, bổ sung lựa chọn được thử nghiệm, ví dụ như sử dụng kỹ thuật ELISA được ISTA phê duyệt để thử nghiệm vi rút đốm hoại tử dưa lưới.  Phụ lục này liên quan tới:  - Thông báo về quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực  - Sửa đổi nội dung (hoặc phạm vi) dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1364/ Add.1 | ATTP, Thú y | Canada | 11/11/2021 | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất bảo quản được phép sử dụng giấm biến tính trong các sản phẩm thịt và gia cầm khác nhau - Số tham chiếu: NOM / ADM-0176 | Cục Quản lý Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn của giấm biến tính để sử dụng làm chất bảo quản trong các sản phẩm thịt và gia cầm với tiêu chuẩn hóa khác nhau cũng như trong các chế phẩm không tiêu chuẩn của thịt và các sản phẩm gia cầm.  Thông báo về dự thảo của Bộ Y tế Canada về việc cho phép sử dụng giấm đã sửa đổi làm chất bảo quản trong một số sản phẩm và chế phẩm từ thịt và gia cầm [NOP / ADP-0036] được công bố vào ngày 22 tháng 12 năm 2020. Đề xuất được công khai để lấy ý kiến ​​trong 75 ngày. Bản tóm tắt phản hồi của Bộ Y tế Canada đối với các nhận xét nhận được trong thời gian này có sẵn trong tài liệu thông tin.  Kết quả đánh giá hỗ trợ tính an toàn của giấm biến tính khi được sử dụng như được mô tả trong tài liệu thông tin. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng giấm đã sửa đổi này bằng cách sửa đổi Phần 2 của Danh sách các chất bảo quản được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 8 tháng 11 năm 2021.  Mục đích của thông tin này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 3 | G/SPS/N/NZL/661/ Add.1 | BVTV, ATTP | Niu Di-lân | 16/11/2021 | Bản sửa đổi đối với Tiêu chuẩn 152.02 quy định về nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi của Bộ Công nghiệp của New Zealand | MPI dự định sửa đổi tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu 152.02 áp dụng cho việc nhập khẩu và thông quan trái cây và rau tươi vào Niu Di-lân đối với trái cây có múi tươi từ Úc vào ngày 10 tháng 11 năm 2021, loại bỏ các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với virus canker và công nhận tình trạng quốc gia phi dịch bệnh đối với loại virus canker này của Úc. |
| 4 | G/SPS/N/AUS/512/ Add.1 | BVTV | Úc | 17/11/2021 | Điều kiện nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống họ Cần tây để gieo trồng | Úc khuyến cáo việc thu hồi quy định về *'Candidatus Liberibacter solanacearum*' liên quan đến hạt giống họ cần tây để trồng.  Phân tích nguy cơ dịch hại cuối cùng đối với *'Candidatus Liberibacter solanacearum'* (G / SPS / N / AUS / 512) đã khuyến nghị các biện pháp quản lý rủi ro dịch hại đối với hạt giống để trồng và nuôi cấy mô của sáu loài họ Cần tây (*Anthriscus cerefolium, Apium Tombolens* - cần tây, *Daucus carota* - cà rốt, *Foeniculum vulgare* - thì là, *Pastinaca sativa* và *Petroselinum crispum* - ngò tây). Năm 2021, chính sách này đã được thông qua trong quá trình 'Rà soát lần cuối các điều kiện nhập khẩu đối với hạt giống rau có hạt để gieo hạt' |
| 5 | G/SPS/N/EU/473/ Add.1 | ATTP, BVTV, Thú y, QLCL | Liên minh Châu Âu | 19/11/2021 | Mức dư lượng tối đa cho amisulbrom, flubendiamide, meptyldinocap, metaflumizone và propineb trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Dự thảo được thông báo trong G / SPS / N / EU / 473 (ngày 31 tháng 3 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2021/1864 ngày 22 tháng 10 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II, III và V thành Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với amisulbrom, flubendiamide, meptyldinocap, metaflumizone và propineb trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) OJ L 377, ngày 25 tháng 10 năm 2021, tr. 3.  Quy chế sẽ được áp dụng kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2022. |
| 6 | G/SPS/N/EU/472/ Add.1 | ATTP, BVTV, Thú y, QLCL | Liên minh Châu Âu | 19/11/2021 | Mức dư lượng tối đa đối với flupyradifurone và axit difluoroacetic trong hoặc trên các sản phẩm nhất định | Dự thảo được thông báo trong G / SPS / N / EU / 472 (ngày 19 tháng 3 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2021/1842 ngày 20 tháng 10 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II và III thành Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với flupyradifurone và axit difluoroacetic trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) OJ L 373, ngày 21 tháng 10 năm 2021, tr. 76.  Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 10 tháng 5 năm 2022 liên quan đến MRLs đối với flupyradifurone trong lá nho và axit difluoroacetic trong ngô, hạt ca cao và gan lợn. |
| 7 | G/SPS/N/TPKM/543/Rev.1/Add.1 | Thú y | Đài Loan | 23/11/2021 | Bản sửa đổi đối với "Thủ tục công nhận tình trạng không có dịch bệnh động vật truyền nhiễm ở nước ngoài" | Đài Loan đã thông báo bản dự thảo sửa đổi về "Thủ tục công nhận tình trạng không có dịch bệnh động vật truyền nhiễm ở nước ngoài" vào ngày 9 tháng 9 năm 2020 (G/SPS/N/TPKM/543/Rev.1). Bản sửa đổi được ban hành vào ngày 3 tháng 11 năm 2021 và sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 12 năm 2021. |
| 8 | G/SPS/N/EU/474/ Add.1 | ATTP, BVTV, Thú y | Liên minh Châu ÂU | 23/11/2021 | Mức dư lượng tối đa đối với imidacloprid trong hoặc trên các sản phẩm nhất định | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/474 (ngày 31 tháng 3 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2021/1881 ngày 26 tháng 10 năm 2021, sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với imidacloprid trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 380, ngày 27 tháng 10 năm 2021, trang. 5].  Quy chế sẽ được áp dụng kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2022 |
| 9 | G/SPS/N/UKR/153/ Add.1 | ATTP, CT | Ucraine | 25/11/2021 | Thông qua dự thảo Luật của Ucraine "Về việc sửa đổi một số đạo luật của Ucraine về việc hài hòa hóa luật pháp Ucraine trong lĩnh vực thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ với các yêu cầu của pháp luật EU" | Ucraine thông báo rằng dự thảo Luật Ucraine "Về việc sửa đổi một số hành vi lập pháp của Ucraine về hài hòa hóa pháp luật Ucraine trong lĩnh vực thực phẩm cho trẻ sơ sinh với các yêu cầu của luật pháp của EU" đã được thông qua vào ngày 21 tháng 10 năm 2021 (Luật số 1822), được xuất bản vào ngày 12 tháng 11 năm 2021 và sẽ có hiệu lực vào ngày 13 tháng 5 năm 2022.  Nội dung của Luật có tại:  <https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/1822-IX#Text> |
| 10 | G/SPS/N/TPKM/571/ Add.1 | BVTV | Đài Loan | 25/11/2021 | Sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch của sản phẩm thực vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu” và “Yêu cầu kiểm dịch với bao bì đóng gói làm từ gỗ trong điều kiện nhập khẩu thông thường” | Đài Loan thông báo sửa đổi dự thảo “Yêu cầu kiểm dịch của sản phẩm thực vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu” và “Yêu cầu kiểm dịch với bao bì đóng gói làm từ gỗ trong điều kiện nhập khẩu thông thường” vào ngày 26 tháng 8 năm 2021 (G/SPS/N/TPKM/571). Các sửa đổi có hiệu lực vào ngày 8 tháng 11 năm 2021.  Phụ lục này liên quan tới: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 11 | G/SPS/N/CHN/1223/ Add.2 | BVTV | Trung Quốc | 26/11/2021 | Thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về ngăn chặn sự xâm nhập của Virus quả cà chua màu nâu có hạt tên hạt *Solanum lycopersicum* và *Capsicum* spp*.* (Số 91 2021) | Thông báo ngày 16 tháng 7 năm 2021 G/SPS/N/CHN/1223 và thông báo ngày G/SPS/N/CHN/1223/Add.1 đã được phê duyệt “Thông báo của Tổng cục Hải quan về việc ngăn chặn sự xâm nhập của Virus quả cà chua màu nâu trên hạt của *Solanum lycopersicum và Capsicum* spp*.* (Số 91 2021)” ngày 12 tháng 11 năm 2021.  Thông báo có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2022. Các khu vực hoặc quốc gia chịu tác động của thông báo là “Các quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu hạt giống của *Solanum lycopersicum* và *Capsicum* spp*.* tới Trung Quốc”. |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org